



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



Tháng 3 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/05/2023

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, *cb*



Phạm Minh Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 50 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo. Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đang hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh để thực hiện “Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)” thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội”. Dự án đầu tư này đang trong quá trình đề nghị các cơ quan ban ngành chấp thuận chủ trương, phương án.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27/03/2023.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.097.908.049.619	784.963.354.045
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	169.306.868.542	59.547.830.416
Tiền	111		68.306.868.542	21.047.830.416
Các khoản tương đương tiền	112		101.000.000.000	38.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	54.310.262.487	83.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.310.262.487	83.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.534.951.668	527.583.873.721
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	741.200.456.107	432.944.748.219
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	24.733.438.805	88.977.222.024
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	6.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	70.194.678.518	46.883.355.089
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(68.593.621.762)	(41.221.451.611)
Hàng tồn kho	140	11	99.692.109.923	113.631.223.080
Hàng tồn kho	141		99.692.109.923	113.631.223.080
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.063.856.999	1.200.426.828
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	291.885.008	430.373.424
Thuế GTGT được khấu trừ	152		771.971.991	770.053.404
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		391.752.869.194	322.966.499.667
Các khoản phải thu dài hạn	210		59.534.265.957	6.000.000.000
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	13.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.900.000.000	6.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	43.634.265.957	-
Tài sản cố định	220		33.764.978.865	12.729.481.748
Tài sản cố định hữu hình	221	14	25.920.495.446	12.110.819.748
- Nguyên giá	222		115.121.491.566	99.766.056.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.200.996.120)	(87.655.236.400)
Tài sản cố định vô hình	227	15	7.844.483.419	618.662.000
- Nguyên giá	228		17.452.188.389	10.004.499.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.607.704.970)	(9.385.837.881)
Bất động sản đầu tư	230	16	5.568.361.635	5.568.361.635
- Nguyên giá	231		6.744.124.331	6.744.124.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		246.601.885	246.601.885
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	286.309.336.815	293.504.409.743
Đầu tư vào công ty con	251		200.407.125.000	76.133.425.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.978.603.966	118.009.603.966
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		81.459.133.000	122.967.748.457
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.535.525.151)	(23.606.367.680)
Tài sản dài hạn khác	260		6.329.324.037	4.917.644.656
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.329.324.037	4.917.644.656
TỔNG TÀI SẢN	270		1.489.660.918.813	1.107.929.853.712

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		594.065.008.494	236.191.723.174
Nợ ngắn hạn	310		576.694.713.801	227.148.938.451
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	476.708.216.168	149.536.404.601
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	17.778.912.380	12.450.826.255
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	17.220.002.661	4.204.928.987
Phải trả người lao động	314		6.620.892.627	4.673.928.472
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	707.345.703	3.861.537.484
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	5.392.794.298	1.287.321.440
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.407.777.052	12.258.599.777
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	42.456.036.515	30.899.200.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	2.295.434.584	2.639.081.476
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.107.301.813	5.337.109.959
Nợ dài hạn	330		17.370.294.693	9.042.784.723
Phải trả dài hạn khác	337	15	9.437.809.700	2.591.698.900
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	7.932.484.993	6.451.085.823
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		895.595.910.319	871.738.130.538
Vốn chủ sở hữu	410	25	895.595.910.319	871.738.130.538
Vốn góp của chủ sở hữu	411		822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		822.900.770.000	587.788.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	85.409.783.716
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	41.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.084.884.743	151.929.661.246
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.427.104.962	129.413.672.283
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.657.779.781	22.515.988.963
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.489.660.918.813	1.107.929.853.712

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu


Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


Đâu Thị Lý

Tổng Giám đốc

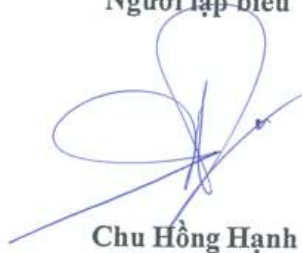

Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	925.023.399.791	805.547.017.614
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		925.023.399.791	805.547.017.614
Giá vốn hàng bán	11	28	771.772.598.370	696.081.839.682
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153.250.801.421	109.465.177.932
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	24.594.224.693	24.144.305.343
Chi phí tài chính	22	30	10.146.581.634	(222.983.835)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.335.433.867	1.081.951.303
Chi phí bán hàng	25	31	42.774.629.561	42.870.795.712
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	90.871.986.872	59.726.936.691
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.051.828.047	31.234.734.707
Thu nhập khác	31	32	975.834.890	670.770.624
Chi phí khác	32	33	1.070.524.067	1.265.413.299
Lợi nhuận khác	40		(94.689.177)	(594.642.675)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.957.138.870	30.640.092.032
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	8.299.359.089	8.124.103.069
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.657.779.781	22.515.988.963

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu


Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


Đạm Thị Lý

Tổng Giám đốc




Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	33.957.138.870	30.640.092.032
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.906.697.192	3.597.001.734
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	27.439.079.900	(479.747.601)
(Lãi) hoạt động đầu tư	04	1.453.150.523	327.413.512
Chi phí lãi vay	05	(12.276.027.133)	(10.475.350.070)
Các điều chỉnh khác	06	4.335.433.867	1.081.951.303
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	07	-	(2.400.000.000)
Tăng, giảm các khoản phải thu	08	58.815.473.219	22.291.360.910
Tăng, giảm hàng tồn kho	09	(287.350.436.819)	(15.786.764.228)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(227.402.298)	(28.630.333.145)
Tăng, giảm chi phí trả trước	11	340.048.775.375	(67.063.989.932)
Tiền lãi vay đã trả	12	(1.273.190.965)	(2.653.236.176)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.695.319.376)	(694.837.969)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	(3.028.642.615)	(7.856.435.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17	(4.029.808.146)	(1.000.215.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	99.259.448.375	(101.394.451.828)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.341.319.398)	(4.205.029.091)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.063.750.000	2.435.140.238
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(97.700.000.000)	(8.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	109.800.000.000	3.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.500.000.000)	(13.700.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.670.000.000	10.372.147.500
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.954.574.824	4.540.513.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.052.994.574)	(5.557.227.384)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.432.938.536
Tiền thu từ đi vay	33		164.498.423.703	44.450.073.358
Tiền trả nợ gốc vay	34		(152.941.587.188)	(19.878.873.358)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(142.159.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.556.836.515	26.861.979.396
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		109.763.290.316	(80.089.699.816)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	59.547.830.416	139.635.157.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.252.190)	2.372.546
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	169.306.868.542	59.547.830.416

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu


Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


Đâu Thị Lý

Tổng Giám đốc




Phạm Minh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 30 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Toà nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 12/01/2024 của Công ty là: 822.900.770.000 (Tám trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.), tương đương 82.290.077 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 207 người (tại ngày 31/12/2022 là 241 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2023 bao gồm:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.	100%	100%
Công ty Cổ phần Elcom plus	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93%	93%
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn thương mại Hà Nội	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,5%	50,5%

Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:

Tên công ty con gián tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Xuất bản phần mềm	74,4%	74,4%

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	34%	34%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 - 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nguyên giá

Là bất động sản là nhà cửa vật kiến trúc nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí dự án Từ Liêm. Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2028.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị hợp đồng quy định điều kiện bắt buộc bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

3.17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận.

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	1.189.909.589	415.743.479
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.116.958.953	20.632.086.937
- Các khoản tương đương tiền	101.000.000.000	38.500.000.000
Cộng	169.306.868.542	59.547.830.416

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	54.310.262.487	54.310.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	54.310.262.487	54.310.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	39.000.000.000	39.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
Dài hạn	5.310.262.487	5.310.262.487	-	-
Cộng	54.310.262.487	54.310.262.487	83.000.000.000	83.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,4%/năm đến 10,7%/năm

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
+ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	200.407.125.000	(16.754.270.756)	(*)	76.133.425.000
	30.000.000.000	(16.754.270.756)	(*)	30.000.000.000
+ Công ty CP Elcom Plus	13.681.125.000	-	(*)	13.681.125.000
+ Công ty CP Elcom Prime	7.000.000.000	-	(*)	7.000.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	13.400.000.000	-	(*)	13.400.000.000
+ Công ty TNHH VTS Hải Phòng	-	-	(*)	12.052.300.000
+ Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	136.326.000.000	-	(*)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	
- Đầu tư vào công ty liên kết	26.978.603.966	(421.110.666)	(*)	118.009.603.966	(419.269.342)	(*)	(*)	
+ Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	17.360.740.000	(421.110.666)	(*)	17.360.740.000	(419.269.342)	(*)	(*)	
+ Công ty CP Công nghệ VFT	9.617.863.966	-	(*)	9.617.863.966	-	(*)	(*)	
+ Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	-	(*)	91.031.000.000	-	(*)	(*)	
- Đầu tư vào đơn vị khác	81.459.133.000	(5.360.143.729)	(*)	122.967.748.457	(6.237.065.261)	(*)	(*)	
+ Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	28.590.000.000	(2.046.855.088)	(*)	28.590.000.000	(1.942.085.985)	(*)	(*)	
+ Công ty CP tư vấn HT Viễn thông	6.000.000.000	-	(*)	6.000.000.000	-	(*)	(*)	
+ Công ty CP Giải pháp CN truyền thông đa phương tiện Sáng kiến	-	-	(*)	2.148.349.500	-	(*)	(*)	
+ Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	115.000.000	-	(*)	115.000.000	-	(*)	(*)	
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	360.000.000	(360.000.000)	(*)	360.000.000	(360.000.000)	(*)	(*)	
+ Công ty CP Trung Văn	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)	(*)	
+ Công ty CP Atani Holdings	14.734.933.000	(1.253.577.453)	(*)	14.734.933.000	(3.022.731.708)	(*)	(*)	
+ Công ty CP ISK	4.674.000.000	(787.463.620)	(*)	-	-	(*)	(*)	
+ Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (1)	-	-	(*)	37.771.500.000	-	(*)	(*)	
+ Dự án Thanh Trì - Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (2)	-	-	(*)	5.862.765.957	-	(*)	(*)	
+ Dự án quản lý xe buýt - Công ty CP Transmedia	-	-	(*)	400.000.000	-	(*)	(*)	
Cộng	308.844.861.966	(22.535.525.151)	(*)	317.110.777.423	(23.606.367.680)	(*)	(*)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Chi tiết hoạt động của công ty con, công ty liên kết trong năm 2023:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
Công ty Cổ phần Elcom plus	93%	93%	Tầng 5, tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
Công ty TNHH VTS Hải Phòng (Đã thoái vốn trong năm 2023)	65%	65%	Tầng 11, tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) đường Hải Phòng theo hình thức BT.
Công ty CP Elcom Prime	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,4%	74,4%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Xuất bản phần mềm
Công ty CP Tập đoàn thương mại Hà Nội	68,68%	68,68%	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	50,5%	50,5%	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng
Công ty liên kết				
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại
Công ty Cổ phần Công nghệ VFT	34%	34%	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

MÃ SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Ghi chú: Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện “Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)” thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐ/ELC-TLX ngày 20/06/2011 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Theo biên bản thỏa thuận số 301222/BTT/ELCOM-TLX ngày 30/12/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, thời gian hợp tác đầu tư tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028.

Vào ngày 09/01/2024, liên danh Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã có văn bản số 13/TT về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội cho phép nhà đầu tư được điều chỉnh mục tiêu “xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư” sang mục tiêu “đầu tư xây dựng nhà ở xã hội” tại ô đất H1/ODK2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận vốn góp bằng tiền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở càng gia tăng của người dân.

Ngày 16/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tô trường Tô công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành Thành có liên quan kiểm tra, rà soát, xem xét nội dung đề xuất, kiến nghị của liên danh Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom nhận định rằng dự án có khả năng triển khai thực hiện, đồng thời khoản hợp tác đầu tư không bị tồn thất. Năm 2023, Công ty đã thực hiện điều chỉnh khoản góp vốn này sang khoản mục phải thu dài hạn khác (trình bày tại thuyết minh số 9. Phải thu khác) cho phù hợp hơn về bản chất.

(2) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐHTĐ/ELCOM-BDSTHANHLIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thông qua thoả 100% vốn góp của Công ty tại “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel	741.200.456.107	62.331.776.714	432.944.748.219	34.959.606.563
- Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	165.889.012.218	17.846.327.583	24.176.690.322	17.846.327.583
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	53.632.715.176	-	58.132.715.176	-
- Công ty CP N.D.C	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	4.660.260.000
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	56.223.631.956	-	80.727.070.580	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng Long	158.229.185.514	-	-	-
- Công ty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	40.002.822.644	-	-	-
- Các đối tượng khác	33.965.940.975	-	38.069.926.187	-
Cộng	217.722.947.624	28.951.249.131	216.304.145.954	12.453.018.980
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.3	741.200.456.107	62.331.776.714	432.944.748.219	34.959.606.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	24.733.438.805	-	88.977.222.024	-
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	-	-	5.980.000.000	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	-	-	2.990.000.000	-
- Trần Hùng Giang (1)	-	-	4.030.000.000	-
- Công ty CP IUNI	-	-	5.208.729.346	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DELTATECH	2.540.872.250	-	2.840.872.250	-
- Các đối tượng khác	22.192.566.555	-	67.927.620.428	-
b) Dài hạn	13.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	5.980.000.000	-	-	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	2.990.000.000	-	-	-
- Trần Hùng Giang (1)	4.030.000.000	-	-	-
Cộng	37.733.438.805	-	88.977.222.024	-

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc "Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 31/222/BBTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thông nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom đã có văn bản số 16/TTtr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, chấp thuận để xuất nghiên cứu thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện "Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội" theo hình thức đầu tư trực tiếp, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)**

Ngày 12/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tô trường Tô công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thực hiện theo quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các kiến nghị của Công ty vẫn đang được xem xét.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty CP Tân Phát (1)	6.000.000.000	-	-	-
	6.000.000.000	-	-	-
b) Dài hạn				
- Công ty CP Tân Phát (1)	2.900.000.000	-	6.000.000.000	-
- Cho vay cá nhân (2)	-	-	6.000.000.000	-
	2.900.000.000	-	-	-
Cộng	8.900.000.000	-	6.000.000.000	-

(1) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2022/VA YVON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Tân Phát. Thời gian cho vay tối đa 2 năm, lãi suất cho vay cố định 5.5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(2) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2023-ELC-Thanh Nhân ngày 18/12/2023, thời gian cho vay là 2 năm, lãi suất cho vay cố định 7%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền cho vay đã được thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	70.194.678.518	6.261.845.048	46.883.355.089	6.261.845.048
- Tạm ứng	6.961.821.170	-	6.343.616.188	-
- Ký cược, ký quỹ	28.798.206.471	-	26.703.501.006	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.547.134.058	-	1.842.395.555	-
- Phải thu khác	29.887.516.819	6.261.845.048	11.993.842.340	6.261.845.048
+ Ông Lại Hữu Thanh (1)	9.500.000.000	-	-	-
+ Ông Hà Quốc Vương (1)	8.826.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000
+ Công ty CP CN Vật liệu mới Bắc Kan	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279
+ Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769
+ Công ty CP đầu tư thương mại Bắc Hà (2)	4.000.000.000	-	4.500.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.299.671.771	-	1.231.997.292	-
b) Dài hạn	43.634.265.957	-	-	-
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh (3)	37.771.500.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (4)	5.862.765.957	-	-	-
Cộng	113.828.944.475	6.261.845.048	46.883.355.089	6.261.845.048

c) Phải thu của khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.3

(1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc thoái vốn Công ty Cổ phần ISK.

(2) Là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Trong năm 2023, công ty đã thu được số tiền là 500.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền phải thu này đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà hoàn trả.

(3) (4) Công ty đã điều chỉnh khoản hợp tác đầu tư đang được ghi nhận trên tài khoản 228 - Đầu tư vào đơn vị khác về tài khoản 138 - Phải thu khác theo đúng quy định hiện hành. Chi tiết nội dung số dư xem tại thuyết minh 5.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				Dự phòng VND
- Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	-	12.943.377.077	5.260.843.526
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	-	15.534.200.000	10.873.940.000
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới	4.111.247.702	-	4.111.247.702	-
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel - HĐ02/2012: hệ thống thiết bị quản lý băng thông PCRF	17.846.327.583	-	17.846.327.583	-
- Các đối tượng khác	14.020.813.342	-	14.020.813.342	-
Cộng	68.593.621.762	-	68.593.621.762	16.134.783.526

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.025.336.386	-	51.679.329.541	-
Thành phẩm	4.162.865.785	-	4.162.865.785	-
Hàng hóa	59.503.907.752	-	57.789.027.754	-
Cộng	99.692.109.923	-	113.631.223.080	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	246.601.885	246.601.885
- Dự án Phúc Diễn (*)	246.601.885	246.601.885
Cộng	246.601.885	246.601.885

(*) Đây là chi phí xây dựng thực hiện "Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội". Chi tiết thông tin dự án xem tại thuyết minh số 7.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	291.885.008	430.373.424
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và chi phí khác	291.885.008	430.373.424
b) Dài hạn	6.329.324.037	4.917.644.656
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.234.359.021	2.713.850.726
- Các khoản khác	2.094.965.016	2.203.793.930
Cộng	6.621.209.045	5.348.018.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dùng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	66.739.686.839	13.485.965.818	15.369.032.396	4.171.371.095	99.766.056.148
- Mua trong năm	-	3.792.930.890	14.267.216.455	-	18.060.147.345
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.118.790.909)	-	(585.921.018)	(2.704.711.927)
31/12/2023	66.739.686.839	15.160.105.799	29.636.248.851	3.585.450.077	115.121.491.566
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(66.722.353.495)	(6.574.925.814)	(11.877.515.431)	(2.480.441.660)	(87.655.236.400)
- Khấu hao trong năm	(17.333.344)	(1.557.894.473)	(1.764.324.390)	(345.277.896)	(3.684.830.103)
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.960.038.959	-	179.031.424	2.139.070.383
31/12/2023	(66.739.686.839)	(6.172.781.328)	(13.641.839.821)	(2.646.688.132)	(89.200.996.120)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	17.333.344	6.911.040.004	3.491.516.965	1.690.929.435	12.110.819.748
31/12/2023	-	8.987.324.471	15.994.409.030	938.761.945	25.920.495.446

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 85.103.901.936 VND (tại ngày 01/01/2023 là 83.467.241.935 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	10.004.499.881	10.004.499.881
- Mua trong năm	7.447.688.508	7.447.688.508
31/12/2023	17.452.188.389	17.452.188.389
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2023	(9.385.837.881)	(9.385.837.881)
- Khấu hao trong năm	(221.867.089)	(221.867.089)
31/12/2023	(9.607.704.970)	(9.607.704.970)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	618.662.000	618.662.000
31/12/2023	7.844.483.419	7.844.483.419

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 9.344.499.881 VND (tại ngày 01/01/2023 là 8.934.639.881 VND)

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	6.744.124.331	6.744.124.331
31/12/2023	6.744.124.331	6.744.124.331
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2023	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
31/12/2023	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	5.568.361.635	5.568.361.635
31/12/2023	5.568.361.635	5.568.361.635

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 3.129.237.304 VND (tại ngày 01/01/2023 là 3.129.237.304 VND)

Theo quyết định số 01-01/2020/QĐ-ELCOM ngày 02/01/2020 của Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghệ - Viễn Thông Elcom, Công ty đã chuyển đổi mục đích sử dụng tài sản từ bất động sản chủ sở hữu thành bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	476.708.216.168	476.708.216.168	149.536.404.601	149.536.404.601
- Ciena Communications Inc	180.456.183.108	180.456.183.108	66.312.038.876	66.312.038.876
- TWS International Trading Pte Ltd	34.734.128.000	34.734.128.000	33.746.394.000	33.746.394.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép 568	70.238.790.846	70.238.790.846	-	-
- Công ty CP Thép Kỳ Nam	32.988.973.233	32.988.973.233	-	-
- Công ty TNHH BST	33.198.509.703	33.198.509.703	-	-
- Các đối tượng khác	125.091.631.278	125.091.631.278	49.477.971.725	49.477.971.725
Cộng	476.708.216.168	476.708.216.168	149.536.404.601	149.536.404.601

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 38.3

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Toà nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/IT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC.**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngân hạn	17.778.912.380	17.778.912.380	12.450.826.255	12.450.826.255
- BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Yên Bái	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
- Trung tâm tin học - Bộ KH & đầu tư	3.689.319.000	-	8.758.200.000	8.758.200.000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Hà Nam	2.600.000.000	3.689.319.000	-	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.320.725.000	2.600.000.000	-	-
- Công ty CP Mopha	3.168.868.380	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000
- Các đối tượng khác	-	3.168.868.380	1.371.901.255	1.371.901.255
Cộng	17.778.912.380	17.778.912.380	12.450.826.255	12.450.826.255

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.357.386.868	11.065.912.547	4.323.559.702	9.099.739.713				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	27.071.960.628	27.071.960.628					
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.916.532.903	2.916.532.903					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.373.875.874	8.299.359.089	3.028.642.615	6.644.592.348				
- Thuế thu nhập cá nhân	113.963.142	1.891.021.804	1.882.824.889	122.160.057				
- Thuế nhà thầu	246.642.506	2.031.252.177	1.037.444.737	1.240.449.946				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	6.000.000	6.000.000	113.060.597				
	4.204.928.987	53.282.039.148	40.266.965.474	17.220.002.661				

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngân hàng	42.456.036.515	42.456.036.515	164.498.423.703	152.941.587.188
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long (1)	42.456.036.515	42.456.036.515	144.498.423.703	30.899.200.000
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	-	-	-	20.251.200.000
- Vay cá nhân	-	-	-	10.648.000.000
Vay dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	42.456.036.515	42.456.036.515	164.498.423.703	152.941.587.188

(1) Hợp đồng vay số 166008.23.054.27272.TD ngày 11/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Elcom. Hạn mức cấp tín dụng: 350.000.000.000 đồng trong đó:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 250.000.000.000 đồng
- Hạn mức bảo lãnh LC là: 50.000.000.000 đồng

- Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 09/10/2024

- Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao của khách hàng.

- Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	707.345.703	3.861.537.484
- Trích trước chi phí thực hiện dự án	527.345.703	3.689.073.746
- Các khoản trích trước khác	180.000.000	172.463.738
Cộng	707.345.703	3.861.537.484

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	5.392.794.298	1.287.321.440
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.782.794.298	1.287.321.440
- Các khoản khác	3.610.000.000	-
Cộng	5.392.794.298	1.287.321.440

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.407.777.052	12.258.599.777
- Kinh phí công đoàn	1.813.147.322	1.550.783.852
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	823.764.713
- Phải trả cổ tức	730.339.858	730.339.858
- Phải trả lãi vay	-	1.408.699.002
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	-	6.930.520.000
- Phải trả hàng mang đi bảo hành	498.707.490	346.876.050
- Phải trả khác	541.817.669	467.616.302
b) Dài hạn	9.437.809.700	2.591.698.900
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.507.289.700	2.591.698.900
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	-
Cộng	13.845.586.752	14.850.298.677

(*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền là 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.295.434.584	2.639.081.476
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.295.434.584	2.639.081.476
b) Dài hạn	7.932.484.993	6.451.085.823
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.932.484.993	6.451.085.823
Cộng	10.227.919.577	9.090.167.299

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2022	509.282.430.000	86.677.010.000	(1.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	208.203.142.283	849.423.503.039						
- Tăng vốn trong năm trước	2.116.530.000	-	-	-	-	-	2.116.530.000						
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	22.515.988.963						
- Chuyển lợi nhuận thành vốn góp	76.389.470.000	-	-	-	-	(76.389.470.000)							
- Mua lại Cổ phiếu quỹ	-	(1.349.334.820)	1.349.334.820	-	-	-							
- Phân phối lợi nhuận + <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)						(2.400.000.000)
- Tăng khác	-	82.108.536	-	-	-	-	(2.400.000.000)						(2.400.000.000)
31/12/2022	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	151.929.661.246	871.738.130.538						
01/01/2023	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	151.929.661.246	871.738.130.538						
- Tăng vốn trong năm nay (1)	235.112.340.000	(85.409.783.716)	-	(31.000.000.000)	-	(118.702.556.284)							
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	25.657.779.781						
- Phân phối lợi nhuận (2) + <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(1.800.000.000)						(1.800.000.000)
31/12/2023	822.900.770.000	-	-	10.410.255.576	5.200.000.000	57.084.884.743	895.595.910.319						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-11/2023/NQ-HĐQT ngày 02/11/2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 100:40 (một cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 40 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu dự kiến được phát hành thêm là 23.511.537 cổ phiếu. Ngày kết thúc đợt phát hành là ngày 07/12/2023.

Nghị quyết số 02-12/2023/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023 của Hội đồng quản trị đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 23.511.234 cổ phiếu.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023

25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Ông Phan Chiến Thắng	65.869.170.000	55.049.410.000
- Ông Trần Hùng Giang	48.113.800.000	34.367.010.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	47.460.570.000	34.126.410.000
- Cổ đông khác	661.457.230.000	464.245.600.000
Cộng	822.900.770.000	587.788.430.000

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	587.788.430.000	509.282.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	235.112.340.000	78.506.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	822.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

25.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.290.077	58.778.843
+ Cổ phiếu phổ thông	82.290.077	58.778.843
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.290.077	58.778.843
+ Cổ phiếu phổ thông	82.290.077	58.778.843
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
a) Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	51.998,72	4.939,31
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	18.433.858.421	18.307.777.778
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.433.858.421	18.307.777.778

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Doanh thu	925.023.399.791	805.547.017.614
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	34.494.740.000	14.820.178.590
- Doanh thu bán hàng hóa	794.417.028.575	717.747.229.451
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.111.631.216	72.979.609.573
Cộng	<u>925.023.399.791</u>	<u>805.547.017.614</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	10.351.766.357	5.069.224.256
- Giá vốn bán hàng hóa	723.768.578.046	661.784.697.706
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.652.253.967	29.227.917.720
Cộng	<u>771.772.598.370</u>	<u>696.081.839.682</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.952.005.508	4.308.192.604
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	802.371.125	38.190.000
- Lãi từ việc bán các khoản đầu tư	-	6.128.967.466
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.312.021.172	4.688.867.486
- Lãi từ hợp tác đầu tư	9.527.826.888	8.980.087.787
Cộng	<u>24.594.224.693</u>	<u>24.144.305.343</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	4.335.433.867	1.081.951.303
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.428.839.773	614.051.515
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	1.453.150.523	327.413.512
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.070.842.529)	(2.246.400.165)
Cộng	<u>10.146.581.634</u>	<u>(222.983.835)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	90.871.986.872	59.726.936.691
- Chi phí nhân viên quản lý	31.189.258.889	23.961.046.114
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.194.782.418	1.892.106.867
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.896.585.101	2.269.498.172
- Chi phí dự phòng	27.372.170.151	6.555.028.454
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.637.043.224	19.403.738.114
- Chi phí bằng tiền khác	4.582.147.089	5.645.518.970
b) Các khoản chi phí bán hàng	42.774.629.561	42.870.795.712
- Chi phí nhân viên	28.285.450.491	27.875.696.881
- Chi phí khấu hao TSCĐ	999.112.091	1.465.241.870
- Chi phí dự phòng bảo hành	2.843.229.375	37.999.028
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.004.664.798	12.845.796.673
- Chi phí bằng tiền khác	642.172.806	646.061.260
Cộng	133.646.616.433	102.597.732.403

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	796.521.271	266.327.863
- Các khoản khác	179.313.619	404.442.761
Cộng	975.834.890	670.770.624

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	651.745.195
- Các khoản chi phí khác	1.070.524.067	613.668.104
Cộng	1.070.524.067	1.265.413.299

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá	233.412.647.361	288.298.840.526
- Chi phí nhân công	60.485.093.567	56.601.234.648
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.906.697.192	3.597.001.734
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.570.082.112	74.371.772.175
- Chi phí dự phòng bảo hành, phải thu khó đòi	30.215.399.526	6.593.027.482
- Chi phí bằng tiền khác	14.446.605.123	13.641.966.734
Cộng	415.036.524.881	443.103.843.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.957.138.870	30.640.092.032
Các khoản điều chỉnh tăng	7.681.709.933	10.155.549.661
- Khấu hao TSCĐ vượt định mức	237.093.336	189.383.894
- Các khoản chi phí không hợp lệ	7.307.680.251	9.966.165.767
- Lãi chênh lệch tỷ giá của các khoản phải thu, ký quỹ năm 2022	136.936.346	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(915.887.065)	(175.126.346)
- Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(802.371.125)	(38.190.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá của các khoản phải thu, ký quỹ	(113.515.940)	(136.936.346)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	40.722.961.738	40.620.515.347
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	8.144.592.348	8.124.103.069
Chi phí thuế TNDN đã nộp sau Thanh tra Quyết toán thuế 2022	154.766.741	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.299.359.089	8.124.103.069

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

37.1 THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán thép: Kinh doanh buôn bán thép.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Bán các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****37.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Năm 2023**

	Thành phẩm phần mềm	Bán thép	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	34.494.740.000	250.215.374.429	544.201.654.146	96.111.631.216	925.023.399.791
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.494.740.000	250.215.374.429	544.201.654.146	96.111.631.216	925.023.399.791
Chi phí bộ phận	(10.351.766.357)	(244.023.723.064)	(479.744.854.982)	(37.652.253.967)	(771.772.598.370)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	24.142.973.643	6.191.651.365	64.456.799.164	58.459.377.249	153.250.801.421
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(133.646.616.433)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					19.604.184.988
Doanh thu hoạt động tài chính					24.594.224.693
Chi phí tài chính					(10.146.581.634)
Thu nhập khác					975.834.890
Chi phí khác					(1.070.524.067)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.299.359.089)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					25.657.779.781
Tài sản không phân bổ					1.489.660.918.813
Nợ phải trả không phân bổ					594.065.008.494
Tổng chi phí mua TSCĐ					11.341.319.398

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****37.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2022	Thành phẩm phần mềm	Bán thép	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.820.178.590	290.447.077.001	427.300.152.450	72.979.609.573	805.547.017.614
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.820.178.590	290.447.077.001	427.300.152.450	72.979.609.573	805.547.017.614
Chi phí bộ phận	(5.069.224.256)	(281.987.236.936)	(379.797.460.770)	(29.227.917.720)	(696.081.839.682)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.750.954.334	8.459.840.065	47.502.691.680	43.751.691.853	109.465.177.932
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(102.597.732.403)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.867.445.529
Doanh thu hoạt động tài chính					24.144.305.343
Chi phí tài chính					222.983.835
Thu nhập khác					670.770.624
Chi phí khác					(1.265.413.299)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.124.103.069)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					22.515.988.963
Tài sản không phân bổ					1.107.929.853.712
Nợ phải trả không phân bổ					236.191.723.174
Tổng chi phí mua TSCĐ					4.205.029.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. THÔNG TIN KHÁC

38.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con
- Công ty CP ELCOMPLUS	Công ty con
- Công ty CP đầu tư Smartek	Công ty con của Công ty CP Elcom Plus
- Công ty CP ELCOM PRIME	Công ty con
- Công ty CP tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con
- Công ty CP máy tính truyền thông Việt Nam	Công ty con
- Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
- Công ty CP Antani Holdings	Cùng thành viên HĐQT
- Công ty NPT Solutions INC	Ông Phan Đức Trung - GD Công ty INC là con trai của Chủ tịch HĐQT
- Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ông Ngô Trọng Hiếu TGD Công ty - em trai của Phó TGD Ngô Ngọc Hà
- Công ty CP đầu tư thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam	Ông Nguyễn Văn Hòa là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

38.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty CP Elcom Plus	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	3.596.985.000	68.750.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	3.595.100.000	62.500.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	1.885.000	6.250.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	68.750.000
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu	-	-
- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Elcom Plus	-	2.805.744.181
+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	-	2.711.481.738
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	-	94.262.443
- Nộp tiền góp vốn	-	300.000.000
Công ty CP Elcom Prime	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	359.538.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	-	332.905.556
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	-	26.632.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

38.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Công ty CP Đầu tư Smartek	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Bán hàng hóa, dịch vụ	-	330.750.750
+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	-	300.682.500
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	-	30.068.250
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay phải trả	-	387.113.334
- Nhận tiền vay	-	4.320.000.000
Công ty CP Tập đoàn TM Hà Nội	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí ELCOM thuê dịch vụ	13.010.608.800	13.630.161.600
+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	12.391.056.000	12.391.056.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	619.552.800	1.239.105.600
- Thanh toán tiền mua dịch vụ	520.000.000	720.000.000
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu	4.103.985.212	3.930.073.813
- Doanh thu từ hợp tác đầu tư Elcom được nhận	9.006.176.388	8.980.087.787
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu khác	9.006.176.388	8.980.087.787
Công ty CP Công nghệ VFT	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	132.188.980	16.500.000
+ Giá trị DV thuê kho chưa có thuế GTGT	120.171.800	15.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	12.017.180	1.500.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	132.188.980	16.500.000
Công ty CP Atani Holdings	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi chậm thanh toán	16.055.400	364.471.229
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	39.508.060	341.018.569
- Thu tiền cho thuê văn phòng	2.100.437.591	4.200.000.000
Công ty NPT Solutions INC	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	1.811.812.500	2.419.725.600
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	1.805.625.000	2.414.269.350
Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	471.610.031	284.522.610
+ Giá trị DV thuê Server, DV cước Cloud chưa có thuế GTGT	428.736.392	258.656.918
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	42.873.639	25.865.692
- Thanh toán tiền dịch vụ	471.610.031	259.223.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****38.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Công ty CP đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	217.800.000	108.900.000
+ Giá trị thuế xe ô tô chưa có thuế GTGT	198.000.000	99.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	19.800.000	9.900.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	217.800.000	108.900.000

38.3. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2023	01/01/2023
Phải thu của khách hàng		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.770.779	597.770.779
Công ty CP Atani Holdings	-	2.100.437.591
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Nội	33.965.940.975	38.069.926.187
Công ty CP Elcom Plus	1.408.557.186	2.805.744.181
Trả trước cho người bán		
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thùy	5.980.000.000	5.980.000.000
Phải thu khác		
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải trả cho người bán		
Công ty TNHH GP phần mềm Elcom	127.422.566	127.422.566
Công ty CP Máy tính & Truyền thông Việt Nam	422.273.333	422.273.333

38.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT

Năm 2023	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
HDQT và Ban Giám đốc		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HDQT	285.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HDQT	177.205.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HDQT	177.205.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HDQT	177.205.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HDQT/Phó Tổng Giám đốc	446.973.070
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HDQT	120.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HDQT	120.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	455.673.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	461.227.273
Ban Kiểm soát		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	334.900.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	328.021.000
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	36.000.000
Kế toán trưởng		
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ 19/05/2023)	268.122.727
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 19/05/2023)	227.640.000
Cộng		3.615.672.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

38.4. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHÓT (TIẾP)

Năm 2022	Chức vụ	Tổng thu nhập VND
HĐQT và Ban Giám đốc		
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	222.500.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	144.500.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	144.500.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	386.900.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	40.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	80.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	389.300.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	-
Ban Kiểm soát		
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	315.880.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	304.757.600
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	36.000.000
Kế toán trưởng		
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	556.008.000
Cộng		2.884.845.600

38.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Thị Lý

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thắng